

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TRƯỜNG SƠN COECCO



**QUY CHẾ TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TRƯỜNG SƠN COECCO**

**TRUONG SON COECCO TOURISM
JOINT STOCK COMPANY**

Năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
TRƯỜNG SƠN COECCO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **79**/QC-CT

Nghệ An, ngày 25 tháng 4 năm 2025

QUY CHẾ **Tài chính của Công ty cổ phần Du lịch Trường Sơn COECCO**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Du lịch Trường Sơn COECCO;

Căn cứ Nghị quyết số: 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Du lịch Trường Sơn COECCO.

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với việc quản lý tài chính của Công ty CP Du lịch Trường Sơn COECCO.

2. Công ty CP Du lịch Trường Sơn COECCO có trách nhiệm thực hiện các quy định về quản lý tài chính theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Quy chế này. Đối với những nội dung chưa được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của các văn bản của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công ty cổ phần Du lịch Trường Sơn COECCO là công ty con của Tổng công ty Hợp tác kinh tế (sau đây gọi tắt là Công ty);

2. “Đơn vị trực thuộc” là các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc của Công ty, không có tư cách pháp nhân;

3. “Tổng công ty Hợp tác kinh tế” là nhóm các doanh nghiệp, không có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là Tổng công ty), bao gồm: Công ty mẹ, các Công ty con, các Công ty liên doanh, liên kết của Công ty mẹ.

4. “Công ty mẹ - Tổng công ty Hợp tác kinh tế” là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, được Nhà nước giao cho Bộ Quốc phòng quản lý; là doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh có tư cách pháp nhân, tự chủ về tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật (sau đây gọi tắt là Công ty mẹ). Công ty mẹ sở hữu 51% vốn góp tại Công ty.

5. “Tiền Kíp Lào” là đơn vị tiền tệ của nước CHDCND Lào, có mã ký hiệu là LAK.

6. Các từ ngữ khác trong Quy chế được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa tương tự như trong các văn bản pháp luật đó. Danh từ “pháp luật” được hiểu là pháp luật của Việt Nam và pháp luật của Lào.

Chương II **QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY**

Mục 1 **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN VÀ TÀI SẢN**

Điều 3. Vốn của Công ty

Vốn của Công ty bao gồm vốn chủ sở hữu của Công ty và vốn do Công ty huy động.

Điều 4. Vốn điều lệ của Công ty

1. Vốn điều lệ của Công ty là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán và được ghi trong Điều lệ công ty.

2. Trong quá trình hoạt động, Công ty được điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Phương thức, trình tự, thủ tục thay đổi vốn điều lệ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Công ty phải công bố công khai vốn điều lệ và các trường hợp thay đổi vốn điều lệ.

Điều 5. Quyền và trách nhiệm của Công ty trong việc sử dụng vốn

1. Công ty được chủ động sử dụng vốn điều lệ, các loại vốn hợp pháp khác vào hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đúng mục đích và có hiệu quả.

2. Công ty chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về bảo toàn, hiệu quả sử dụng vốn; đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và những người liên quan đến Công ty như các chủ nợ, khách hàng, người lao động theo các hợp đồng đã giao kết phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 6. Bảo toàn vốn

1. Công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn điều lệ bằng các biện pháp sau đây:

a, Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật.

b, Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật (nếu có).

c, Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro sau đây theo hướng dẫn của Bộ Tài chính:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi;
- Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính;
- Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa;

d, Các biện pháp khác về bảo toàn vốn chủ sở hữu tại Công ty theo quy định của pháp luật.

2. Định kỳ 6 tháng, hàng năm, Công ty phải đánh giá hiệu quả sử dụng vốn thông qua các chỉ tiêu mức độ bảo toàn vốn, phương pháp đánh giá như sau:

a, Sau khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định, kết quả kinh doanh của Công ty không phát sinh lỗ hoặc có lãi, công ty bảo toàn được vốn;

b, Trường hợp sau khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định, kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ (bao gồm trường hợp còn lỗ lũy kế), công ty không bảo toàn được vốn.

3. Việc ghi nhận, đánh giá, hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái của công ty được thực hiện theo quy định chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Điều 7. Huy động vốn

1. Công ty được quyền huy động vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh thông qua hình thức tín dụng như vay vốn của các tổ chức tín dụng, các tổ chức tài chính, của các cá nhân, tổ chức ngoài Công ty, vay vốn của người lao động; phát hành trái phiếu và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật;

Công ty tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn huy động, bảo đảm khả năng thanh toán, hoàn trả đầy đủ cả gốc và lãi vay cho chủ nợ mà Công ty đã cam kết khi vay vốn.

2. Nguyên tắc huy động vốn

a, Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm của công ty đã được đại hội đồng cổ đông thông qua;

b, Phương án huy động vốn phải bảo đảm khả năng thanh toán nợ;

c, Người phê duyệt phương án huy động vốn phải chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra bảo đảm vốn huy động được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả;

d, Việc huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước phải thực hiện thông qua hợp đồng vay vốn với tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

e, Việc huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu.

f, Công ty sử dụng vốn vay đúng mục đích, tự chịu mọi rủi ro, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn vay huy động và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình huy động, quản lý, sử dụng vốn vay và trả nợ đúng hạn.

3. Thẩm quyền phê duyệt phương án huy động vốn

a, Hội đồng quản trị (sau đây gọi tắt là HĐQT) thông qua phương án huy động vốn có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn trừ giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại

khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

Điều 8. Quản lý các khoản nợ phải trả

Công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về quản lý nợ phải trả, cụ thể:

1. Xây dựng, ban hành, thực hiện quy chế quản lý nợ phải trả. Quy chế quản lý nợ phải trả quy định trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, đối chiếu, xác nhận, thanh toán nợ.

2. Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả, gồm cả các khoản lãi phải trả.

3. Theo dõi nợ phải trả theo từng đối tượng nợ, thường xuyên phân loại nợ, xây dựng kế hoạch thanh toán nợ, cân đối dòng tiền bảo đảm thanh toán nợ, thanh toán các khoản nợ theo đúng thời hạn đã cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có các giải pháp khắc phục kịp thời, không để phát sinh các khoản nợ quá hạn nhằm hạn chế tối đa các khoản công nợ không có khả năng thanh toán. Các khoản nợ phải trả mà không có đối tượng để trả thì quyết định xử lý nợ, hạch toán vào thu nhập khác của công ty.

4. HĐQT, Giám đốc có trách nhiệm thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ của Công ty, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời, không để phát sinh các khoản nợ quá hạn. Trường hợp để phát sinh nợ phải trả quá hạn, nợ không có khả năng thanh toán thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà HĐQT, Giám đốc và những người có liên quan phải bồi thường thiệt hại và bị xử lý theo quy định của pháp luật và điều lệ của công ty.

Điều 9. Tài sản của Công ty

Công ty phải quản lý, sử dụng tài sản đúng mục đích, có hiệu quả tránh để lãng phí, ứ đọng, thất thoát, kém, mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật; tổ chức hạch toán, phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời, tổ chức kiểm kê, đối chiếu định kỳ hoặc theo yêu cầu của Công ty mẹ hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 10. Đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định

1. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng và mua sắm tài sản cố định: Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm; Đại hội đồng cổ đông quyết định đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

2. Trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Công ty phải tổ chức hạch toán, phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời các TSCĐ về hiện vật, nguyên giá, số hao mòn lũy kế, giá trị còn lại và các nguồn hình thành tài sản theo quy định của pháp luật về chế độ kế toán hiện hành.

Điều 11. Khấu hao tài sản cố định

1. Tất cả các TSCĐ hiện có của Công ty mẹ đều phải trích khấu hao, trừ những tài sản theo quy định tại Khoản 1, Điều 9, Thông tư 45/2013/TT-BTC.

2. Các khoản chi phí khấu hao tài sản cố định được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Trường hợp TSCĐ sử dụng trong các hoạt động phúc lợi phục vụ cho người lao động của Công ty quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư 45/2013/TT-BTC có tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh thì Công ty căn cứ vào thời gian và tính chất sử dụng các tài sản cố định này để thực hiện tính và trích khấu hao vào chi phí kinh doanh của Công ty và thông báo cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý để theo dõi, quản lý.

4. TSCĐ chưa khấu hao hết bị mất, bị hư hỏng mà không thể sửa chữa, khắc phục được, Công ty phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm bồi thường của tập thể, cá nhân gây ra. Chênh lệch thiếu giữa giá trị còn lại của tài sản với tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra, tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm và giá trị thu hồi được (nếu có) được tính vào chi phí hợp lý của doanh nghiệp khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp.

5. Việc trích hoặc thôi trích khấu hao TSCĐ được thực hiện bắt đầu từ ngày (theo số ngày của tháng) mà TSCĐ tăng hoặc giảm. Công ty mẹ thực hiện hạch toán tăng, giảm TSCĐ theo quy định hiện hành về chế độ kế toán DN

6. Đối với các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành đưa vào sử dụng, Công ty đã hạch toán tăng TSCĐ theo giá tạm tính do chưa thực hiện quyết toán. Khi quyết toán công trình xây dựng cơ bản hoàn thành có sự chênh lệch giữa giá trị tạm tính và giá trị quyết toán, Công ty phải điều chỉnh lại nguyên giá tài sản cố định theo giá trị quyết toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Công ty không phải điều chỉnh lại mức chi phí khấu hao đã trích kể từ thời điểm tài sản cố định hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đến thời điểm quyết toán được phê duyệt. Chi phí khấu hao sau thời điểm quyết toán được xác định trên cơ sở lấy giá trị quyết toán tài sản cố định được phê duyệt trừ (-) số đã trích khấu hao đến thời điểm phê duyệt quyết toán tài sản cố định chia (:) thời gian trích khấu hao còn lại của tài sản cố định theo quy định.

7. Xác định thời gian trích khấu hao: Công ty xác định thời gian khấu hao của TSCĐ căn cứ theo quy định tại Điều 10, Điều 11 và phụ lục 1 Thông tư 45/2013/TT-BTC.

8. Phương pháp trích khấu hao TSCĐ: Công ty lựa chọn phương pháp trích khấu hao TSCĐ dựa trên quy định tại Điều 13, Thông tư 45/2013/TT-BTC cho phù hợp nhất với đặc điểm sử dụng của từng tài sản và tình hình sản xuất kinh doanh. Phương pháp trích khấu hao mà Công ty lựa chọn áp dụng cho từng TSCĐ phải được thực hiện nhất quán trong suốt quá trình sử dụng TSCĐ. Trường hợp đặc biệt cần thay đổi phương pháp trích khấu hao TSCĐ, Công ty phải giải trình rõ sự thay đổi về cách thức sử dụng TSCĐ để đem lại lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp. Mỗi tài sản cố định chỉ được phép thay đổi một lần phương pháp trích khấu hao trong quá trình sử dụng.

Điều 12. Tổ chức quản lý, sử dụng, đầu tư nâng cấp, bảo dưỡng, sửa chữa TSCĐ

1. Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện về quản lý và sử dụng TSCĐ của Công ty. Giám đốc giao nhiệm vụ cho các đơn vị, bộ phận cụ thể. Các đơn vị, bộ phận được giao quản lý và sử dụng TSCĐ phải thực hiện đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và đúng quy định của pháp luật. Thực hiện phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện công tác kiểm kê TSCĐ định kỳ và hàng năm.

Thực hiện quản lý đối với những TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh như những TSCĐ thông thường.

2. Mọi TSCĐ phải có bộ hồ sơ riêng (gồm biên bản giao nhận TSCĐ, hợp đồng, hóa đơn mua TSCĐ và các chứng từ, giấy tờ khác có liên quan). Mỗi TSCĐ phải được phân loại, đánh số và có thẻ riêng, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng ghi TSCĐ và được phản ánh trong sổ theo dõi chi tiết TSCĐ. Hồ sơ quản lý tài sản của Công ty sẽ do Phòng kế toán quản lý và lưu giữ.

3. Các đơn vị, bộ phận, cá nhân được giao quản lý và sử dụng TSCĐ phải có trách nhiệm bảo quản, bảo dưỡng thường xuyên để kéo dài tuổi thọ và công năng hoạt động. Trong quá trình sử dụng, các tài sản cần thiết phải đầu tư nâng cấp để nâng cao công suất hoạt động hoặc tài sản có hư hỏng đột xuất cần sửa chữa, thay thế thì các cá nhân, đơn vị làm đề nghị gửi ban giám đốc xem xét, đánh giá để quyết định làm các thủ tục sửa chữa theo quy định.

Điều 13. Điều chuyển, thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản

1. Công ty được quyền điều chuyển tài sản giữa cơ quan Công ty và các đơn vị trực thuộc khi có nhu cầu phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Giám đốc là người ra quyết định điều động. Việc tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành biên bản giao nhận tại thời điểm bàn giao đảm bảo đúng nguyên tắc, chế độ.

2. Công ty được thuê tài sản (bao gồm cả hình thức thuê tài chính) để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp và đảm

bảo kinh doanh có hiệu quả. Việc thuê và sử dụng tài sản thuê phải tuân theo đúng quy định của Bộ Luật dân sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Công ty có quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố TSCĐ theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn và phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Thẩm quyền quyết định việc thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản:

HĐQT quyết định thông qua các hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp năm 2020.

Điều 14. Kiểm kê TSCĐ

1. Công ty phải tổ chức kiểm kê TSCĐ định kỳ và khi kết thúc năm tài chính để lập báo cáo tài chính hoặc khi có yêu cầu tổ chức kiểm kê bất thường để phục vụ một số mục đích nhất định như mua bán, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc các trường hợp khác theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

2. Trình tự tiến hành kiểm kê

- Thành lập Ban chỉ đạo tổng kiểm kê tại thời điểm 0h ngày 01/01 hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ như: Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện kiểm kê TSCĐ theo đúng quy định. Theo dõi, chỉ đạo và kiểm tra, đôn đốc thực hiện công tác kiểm kê đúng tiến độ, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm kê và đề xuất các phương án xử lý, điều chuyển tài sản sau kiểm kê.

- Thành lập Hội đồng kiểm kê của đơn vị bao gồm chỉ huy của đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản, kế toán theo dõi TSCĐ, thủ kho và các thành viên khác nếu cần thiết.

- Tiến hành kiểm kê TSCĐ tại cơ quan, các đơn vị phụ thuộc.

Trước khi thực hiện công tác kiểm kê theo định kỳ, đơn vị phải tiến hành kiểm tra lại toàn bộ các hồ sơ tài liệu của từng đối tượng TSCĐ (kể cả TSCĐ cho thuê và giữ hộ), xác định tình trạng lập và ghi chép thẻ TSCĐ, các sổ kế toán tổng hợp. Mọi sai sót về ghi chép kế toán phải được bổ sung điều chỉnh kịp thời theo nguyên tắc kế toán hiện hành.

Hội đồng kiểm kê thực hiện kiểm kê thực hiện kiểm kê dựa trên số lượng TSCĐ thực tế đang sử dụng, lưu giữ. Đối chiếu với chứng từ sổ sách, thẻ TSCĐ.

- Tổng hợp số liệu.

Căn cứ kết quả kiểm kê tài sản thực tế tại đơn vị, Hội đồng kiểm kê tài sản tổng hợp, xử lý số liệu kiểm kê, đối chiếu giữa bộ phận quản lý, bộ phận sử dụng và kế toán theo bảng biểu phù hợp với đặc điểm tài sản, mục đích kiểm kê nhưng phải đảm bảo các nội dung chủ yếu để đánh giá tình hình quản lý, sử dụng tài sản nội bộ gồm:

- + Tài sản thừa, thiếu;
- + Chênh lệch số lượng, giá trị giữa sổ sách và thực tế.

Chỉ huy đơn vị có trách nhiệm đề ra các biện pháp cần thiết để khắc phục những thiếu sót trong việc bảo quản, sử dụng và hạch toán TSCĐ phát hiện qua kiểm kê, đảm bảo công tác quản lý và hạch toán TSCĐ trong đơn vị có nề nếp chặt chẽ, đúng chế độ quy định của Nhà nước, đồng thời đảm bảo sử dụng TSCĐ có hiệu quả. Đối với các TSCĐ thừa, thiếu chưa rõ nguyên nhân, kế toán phải hạch toán phản ánh giá trị tài sản theo giá trị hợp lý tại thời điểm phát hiện vào sổ kế toán. Khi có biên bản xử lý của cấp có thẩm quyền thì kế toán căn cứ vào quyết định xử lý để ghi vào tài khoản liên quan theo đúng chế độ kế toán.

3. Xử lý kết quả sau kiểm kê

a) Xử lý kết quả kiểm kê tài sản tại thời điểm khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm

- Trường hợp kết quả kiểm kê thiếu tài sản so với số tài sản đã được ghi vào sổ sách kế toán nếu do nguyên nhân chủ quan của tập thể, cá nhân có liên quan gây ra phải bồi thường, Giám đốc Công ty quyết định mức bồi thường và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Giá trị tài sản bị thiếu sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của tập thể, cá nhân (hoặc giá trị tài sản thiếu do nguyên nhân khách quan) phần còn lại (nếu có) Công ty được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh của Công ty.

- Trường hợp kết quả kiểm kê thừa tài sản so với số tài sản đã được ghi vào sổ sách kế toán, Công ty phải xác định rõ nguyên nhân thừa tài sản; đối với tài sản thừa không phải trả lại được hạch toán vào thu nhập khác của Công ty; đối với tài sản thừa chưa xác định rõ nguyên nhân thì hạch toán vào chi phí phải trả, phải nộp khác; trường hợp giá trị tài sản thừa đã xác định được nguyên nhân và có biên bản xử lý thì căn cứ vào quyết định xử lý để hạch toán cho phù hợp

b) Việc xử lý kết quả kiểm kê khi có yêu cầu tổ chức kiểm kê bất thường để phục vụ một số mục đích nhất định như mua bán, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc các trường hợp khác theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền thực hiện theo quy định của pháp luật đối với từng trường hợp kiểm kê cụ thể;

c) Công ty có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản, công nợ, trường hợp để các khoản tổn thất tài sản, công nợ không được xử lý thì Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Thanh lý, nhượng bán TSCĐ

1. Công ty được quyền chủ động và thực hiện thanh lý, nhượng bán, tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng, hoặc không sử dụng được; để thu hồi vốn trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Công ty phải thành lập Hội đồng thanh lý tài sản cố định do Giám đốc

công ty làm chủ tịch hội đồng, các thành viên bắt buộc gồm kế toán trưởng, trưởng phòng kế hoạch tổng hợp, chỉ huy đơn vị liên quan (nếu có), kế toán đơn vị liên quan (nếu có).

3. Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

a, Đại hội đồng cổ đông quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Hội đồng quản trị xây dựng phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

b, Hội đồng quản trị quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Giám đốc công ty xây dựng phương án thanh lý, nhượng bán tài sản trình Hội đồng quản trị quyết định.

HĐQT ủy quyền cho Giám đốc thực hiện các hợp đồng thanh lý, nhượng bán tài sản cố định đã được HĐQT phê duyệt trong kế hoạch SXKD hàng năm.

4. Công ty thực hiện việc nhượng bán tài sản cố định bằng hình thức đấu giá thông qua một tổ chức có chức năng bán đấu giá hoặc do Công ty tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Trường hợp nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại ghi trên sổ kế toán dưới 100 triệu đồng, Giám đốc quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá thị trường.

Trường hợp tài sản cố định không có giao dịch trên thị trường thì Công ty được thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá làm cơ sở bán tài sản theo các phương thức trên;

5. Trường hợp khi Công ty thực hiện dự án đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Công ty phải dỡ bỏ hoặc hủy bỏ tài sản cố định cũ thì việc thanh lý và hạch toán tài sản cố định cũ khi dỡ bỏ hoặc hủy bỏ của doanh nghiệp thực hiện như đối với trường hợp thanh lý tài sản cố định quy định tại Điều này.

Điều 16. Quản lý hàng tồn kho

1. Hàng hoá tồn kho là hàng hoá mua về để bán (hàng hóa tồn kho, hàng mua đang đi trên đường, hàng gửi đi bán, hàng hóa gửi đi gia công chế biến); thành phẩm tồn kho và thành phẩm gửi đi bán; sản phẩm dở dang (sản phẩm dở dang chưa hoàn thành và sản phẩm hoàn thành chưa làm thủ tục nhập kho); nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho, gửi đi gia công chế biến và đã mua đang đi trên đường, chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang.

2. Công ty có quyền và chịu trách nhiệm xử lý ngay những hàng hóa tồn kho kém, mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn.

3. Cuối kỳ kế toán, khi giá gốc hàng tồn kho ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì Công ty phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

4. Thẩm quyền quyết định xử lý như sau:

a, Đại hội đồng cổ đông quyết định thanh lý, nhượng bán hàng hoá tồn kho kém, mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn có giá vốn từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

b, HĐQT quyết định thanh lý, nhượng bán hàng hoá tồn kho kém, mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn có giá vốn dưới 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

HĐQT ủy quyền cho Giám đốc công ty thực hiện các thanh lý, nhượng bán hàng tồn kho đã được HĐQT quyết định.

Điều 17. Quản lý các khoản nợ phải thu

1. Trách nhiệm của Công ty

a) Xây dựng, ban hành, thực hiện quy chế quản lý nợ phải thu. Quy chế quản lý nợ phải thu phải quy trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi nợ;

b) Mở sổ theo dõi các khoản nợ phải theo từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại nợ (nợ chưa đến hạn, nợ đến hạn, nợ quá hạn, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi); đơn đốc thu hồi nợ. Công ty phải trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu quá hạn, nợ phải thu khó đòi theo quy định;

c) Nợ phải thu không có khả năng thu hồi, Công ty phải xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan; đối với nguyên nhân chủ quan, phải xác định rõ trách nhiệm, xử lý bồi thường của tập thể, cá nhân có liên quan; đối với nguyên nhân khách quan được xử lý bằng số dự phòng đã trích lập, nếu còn thiếu thì hạch toán vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định;

d) Nợ phải thu không có khả năng thu hồi sau khi xử lý, Công ty vẫn phải theo dõi và tiếp tục thu hồi. Số tiền thu hồi được sau khi trừ đi các chi phí liên quan, được hạch toán vào thu nhập khác của Công ty;

đ) HĐQT, Giám đốc có trách nhiệm có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được theo quy định pháp luật.

2. Quyền hạn của Công ty

Công ty có quyền bán nợ phải thu quá hạn, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không thu hồi được để thu hồi vốn theo quy định của pháp luật.

Công ty chỉ được bán nợ cho tổ chức kinh tế có chức năng kinh doanh mua bán nợ, không được bán trực tiếp cho đối tượng nợ. Giá bán do các bên tự thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Trường hợp quản lý nợ dẫn đến thất thoát vốn chủ sở hữu hoặc bán nợ dẫn đến Công ty bị thua lỗ, mất vốn, mất khả năng thanh toán, giải thể, phá sản thì

HDQT, Giám đốc, người có liên quan phải bồi thường thiệt hại và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Mục 2

QUẢN LÝ DOANH THU, CHI PHÍ

Điều 18. Quản lý doanh thu và thu nhập khác

1. Doanh thu, thu nhập khác của Công ty là toàn bộ số tiền đã thu hoặc sẽ thu được do việc cung cấp các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, các hoạt động tài chính và hoạt động khác của Công ty; được xác định theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán “Doanh thu và thu nhập khác” do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Doanh thu và thu nhập khác để xác định nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật khác có liên quan.

3. Toàn bộ doanh thu, thu nhập khác của Công ty phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định của pháp luật kế toán và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của Công ty theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4. Doanh thu, thu nhập khác được xác định bằng tiền đồng, trường hợp thu bằng ngoại tệ phải quy đổi về tiền đồng.

5. HDQT, Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật trong việc tổ chức quản lý chặt chẽ, đảm bảo tính đúng đắn, trung thực và hợp pháp các khoản doanh thu, thu nhập khác của Công ty.

Điều 19. Chi phí và quản lý chi phí hoạt động kinh doanh

1. Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty là toàn bộ các khoản chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí hoạt động tài chính và các khoản chi phí khác phát sinh trong năm tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Công ty phải tính đúng, tính đủ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh; tự trang trải mọi khoản chi phí bằng các khoản thu của doanh nghiệp và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh.

3. Chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty phải phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của Công ty theo Chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành; được xác định bằng tiền đồng; trường hợp chi bằng ngoại tệ phải quy đổi về tiền đồng theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Việc xác định chi phí để xác định nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật khác có liên quan.

5. HĐQT, Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật trong việc tổ chức quản lý chặt chẽ, đảm bảo tính đúng đắn, trung thực và hợp pháp đối với chi phí phát sinh trong năm tài chính.

6. Định kỳ hàng năm, căn cứ vào các quy định của pháp luật hiện hành, Công ty chịu trách nhiệm xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty và trình Công ty mẹ phê duyệt. Căn cứ bộ định mức kinh tế kỹ thuật đã được phê duyệt, Công ty tổ chức thực hiện, các quy chế quản lý đối với từng khoản mục chi phí phù hợp với đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, ngành nghề kinh doanh, mô hình tổ chức quản lý, trình độ trang bị của Công ty và mục tiêu kiểm soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi phí; trong đó quy định cụ thể về quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của các cá nhân, tập thể và chế tài xử lý, bồi hoàn, khắc phục các sai phạm liên quan đến hoạt động quản lý, chi tiêu các khoản mục chi phí.

7. Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp quản trị doanh nghiệp, bảo đảm chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty được thường xuyên theo dõi, phân tích nhằm kịp thời phát hiện và có giải pháp khắc phục những yếu kém trong quản lý, điều hành, những yếu tố làm tăng chi phí, tăng giá thành sản phẩm; tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý giá trong hoạt động mua bán phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 20. Quản lý giá thành sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ

1. Giá thành sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ là biểu hiện bằng tiền các chi phí tính cho một khối lượng sản phẩm hay một đơn vị sản phẩm nhất định đã hoàn thành.

2. Công ty phải tổ chức quản lý giá thành sản phẩm, dịch vụ với mục tiêu tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm nhằm tăng lợi nhuận, tăng khả năng cạnh tranh, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của DN.

3. Căn cứ vào lĩnh vực hoạt động, ngành nghề sản xuất kinh doanh, định mức kinh tế - kỹ thuật, Giám đốc xây dựng Phương án giá hoặc kế hoạch giá thành trình HĐQT phê duyệt; làm cơ sở cho việc quản lý, thực hiện.

4. Giám đốc tổ chức thu thập, tổng hợp thông tin, dữ liệu về giá vật tư, hàng hóa, dịch vụ để phân tích đánh giá, dự báo về xu hướng biến động của mặt bằng giá thị trường và đề ra phương hướng, giải pháp, biện pháp quản lý giá sản phẩm, dịch vụ.

Mục 3

LỢI NHUẬN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 21. Lợi nhuận của Công ty

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Điều 46 Điều lệ Công ty.

Điều 22. Quản lý và sử dụng các quỹ

1. Nguyên tắc sử dụng các quỹ

- Việc sử dụng các quỹ phải bảo đảm công khai, dân chủ, đúng mục đích, đúng đối tượng theo quy định của Nhà nước;

- Công ty phải xây dựng, ban hành quy chế quản lý sử dụng quỹ theo quy định của pháp luật để áp dụng trong nội bộ Công ty; quy chế bảo đảm dân chủ, minh bạch, có sự tham gia của Ban chấp hành công đoàn cơ sở và công khai trong Công ty trước khi thực hiện;

- Trong năm tài chính, Công ty chủ động thực hiện tạm trích các quỹ trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty có lãi và đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định để có nguồn chi sử dụng quỹ theo mục đích đã quy định.

2. Mục đích sử dụng quỹ

a) Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư các dự án đầu tư phát triển và bổ sung vốn điều lệ cho Công ty.

b) Quỹ khen thưởng được dùng để:

- Thưởng cuối năm, thưởng thường kỳ, thưởng đột xuất, thưởng theo pháp luật về thi đua khen thưởng cho người lao động trong Công ty. Không dùng quỹ khen thưởng của Công ty để chi thưởng cho đối tượng là người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên (trừ khoản thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng);

- Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty;

- Mức thưởng do Giám đốc quyết định được ghi trong Quy chế quản lý quỹ của Công ty.

c) Quỹ phúc lợi được dùng để:

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty;

- Chi cho các hoạt động phúc lợi của người lao động trong Công ty bao gồm cả người quản lý, kiểm soát viên của Công ty làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý, kiểm soát viên của Công ty;

- Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;

- Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội;

- Mức chi sử dụng quỹ Giám đốc quyết định.

d) Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên được sử dụng để:

- Thường hàng năm; thường khi kết thúc nhiệm kỳ cho HĐQT, Giám đốc, Phó giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty;

- Mức thưởng hàng năm và thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ do HĐQT quyết định gắn với hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Công ty;

- Trường hợp HĐQT, Giám đốc, Phó giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng thì Công ty sử dụng nguồn quỹ khen thưởng của Công ty để chi thưởng cho các đối tượng nêu trên theo mức thưởng mà pháp luật về thi đua khen thưởng đã quy định đối với từng hình thức thi đua, khen thưởng.

Mục 4

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO

Điều 23. Kế hoạch kinh doanh

Hàng năm, Công ty căn cứ kế hoạch dài hạn, năng lực và tình hình thị trường để xây dựng kế hoạch SXKD, kế hoạch tài chính Hội đồng quản trị xem xét, quyết định. HĐQT quyết định kế hoạch SXKD, kế hoạch tài chính của Công ty và báo cáo thông qua Đại hội đồng cổ đông, làm căn cứ giám sát và đánh giá kết quả quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty.

- Thời hạn hoàn tất kế hoạch kinh doanh:

+ Các đơn vị trực thuộc: Trước ngày 30 tháng 10 hàng năm;

+ Toàn Công ty: Trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

Điều 24. Chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán

1. Công ty phải tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành; lập, ghi chép chứng từ ban đầu, cập nhật sổ sách kế toán, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.

2. Việc tổ chức bộ máy kế toán, ghi chép kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính phải tuân thủ theo Luật kế toán, Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

3. Các hoạt động kinh tế phát sinh ở nước ngoài được phản ánh bằng đồng tiền của nước sở tại và tuân thủ theo chế độ kế toán nước sở tại.

4. Báo cáo tài chính năm của Công ty bắt buộc phải thực hiện kiểm toán bởi các tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định hiện hành.

Điều 25. Báo cáo tài chính, thống kê và các báo cáo khác

1. Cuối kỳ kế toán (quý, năm), Công ty phải lập, trình bày, gửi các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định. HĐQT chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, thống kê.

2. Ngoài các báo cáo tài chính, thống kê định kỳ lập và gửi theo quy định nêu trên, Công ty phải thực hiện lập, gửi báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của Công ty mẹ và cơ quan quản lý nhà nước.

Mục 5

GIÁM SÁT, KIỂM TRA, THANH TRA VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Điều 26. Giám sát, kiểm tra, thanh tra hoạt động quản lý, sử dụng vốn, tài sản đối với công ty

Công ty chịu sự kiểm tra, giám sát, thanh tra hoạt động quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại Công ty của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với những nội dung sau:

1. Việc thực hiện kế hoạch SXKD, kế hoạch tài chính và chiến lược phát triển của Công ty;
2. Việc huy động và sử dụng vốn huy động, quản lý nợ phải thu, nợ phải trả, việc thực hiện dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty;
3. Việc ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
4. Hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp;
5. Việc chuyển nhượng, thu hồi vốn, thu lợi nhuận, cổ tức được chia từ khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp;
6. Thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên;
7. Thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, phân phối lợi nhuận, trích lập, sử dụng các quỹ của công ty;
8. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 27. Công khai thông tin tài chính

1. Nội dung thông tin công khai tài chính định kỳ
 - a, Công ty thực hiện công khai Báo cáo tài chính 06 tháng, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán.
 - b, Thời gian công khai báo cáo tài chính 06 tháng trước ngày 25/7 và báo

cáo tài chính năm trước ngày 31/3 của năm tiếp theo.

2. Phương thức công khai thông tin tài chính theo định kỳ

a, Việc công khai thông tin tài chính định kỳ được thực hiện trên website công ty, các báo cáo bằng văn bản và công khai tại Hội nghị người lao động hàng năm của công ty.

b, Công ty gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán đến các cơ quan chức năng có liên quan để thực hiện công bố thông tin theo quy định.

3. Nội dung thông tin tài chính công khai bất thường

Công ty thực hiện công khai tài chính bất thường theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, chỉ huy các cơ quan, đơn vị trực thuộc chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan thống nhất thực hiện. Đồng thời, công ty phải thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Trường hợp quy định của pháp luật có liên quan có sự thay đổi, những quy định tại Quy chế này chưa kịp thời sửa đổi, bổ sung, hoặc Hội đồng quản trị có các văn bản khác thay thế mà Quy chế này chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời thì mặc nhiên được thực hiện theo Pháp luật hiện hành và các văn bản thay thế.

4. Công ty và cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, Ban giám đốc;
- Trưởng các phòng, ban, chỉ huy các đơn vị;
- Lưu: VT.PKHTH.H10.



Nguyễn Văn Biên